ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG KHU DÂN CƯ TỔ DÂN PHỐ 8 NAM HỒNG, PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH
BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG, PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

ĐỊA ĐIỂM XD: TDP 8 NAM HỒNG - PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

BẢNG TỔNG HỢP CHIA LÔ ĐẤT Ở

KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN THỬA ĐẤT	DIỆN TÍCH THỬA ĐẤT (M2)	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA(%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)	HỆ SỐ SDĐ TỐI ĐA (LẦN)
O-1	42	L1	276,50	60	5	3,00
		L2	242,00	65		3,25
		L3	242,00	65		3,25
		L4	242,00	65		3,25
		L5	242,00	65		3,25
		L6	220,00	65		3,25
		L7	220,00	65		3,25
		L8	220,00	65		3,25
		L9	220,00	65		3,25
		L10	220,00	65		3,25
		L11	220,00	65		3,25
		L12	220,00	65		3,25
		L13	220,00	65		3,25
		L14	220,00	65		3,25
		L15	242,00	65		3,25
		L16	242,00	65		3,25
		L17	242,00	65		3,25
		L18	242,00	65		3,25
		L19	282,50	65		3,25
		L20	223,70	65		3,25
		L21	198,00	70		3,50
		L22	198,00	70		3,50
		L23	198,00	70		3,50
		L24	198,00	70		3,50
		L25	176,00	75		3,75
		L26	198,00	70		3,50
		L27	198,00	70		3,50
		L28	176,00	75		3,75
		L29	176,00	75		3,75
		L30	176,00	75		3,75
		L31	176,00	75		3,75
		L32	176,00	75		3,75
		L33	176,00	75		3,75
		L34	176,00	75		3,75
		L35	176,00	75		3,75
		L36	176,00	75		3,75
		L37	176,00	75		3,75
		L38	198,00	70		3,50
		L39	198,00	70		3,50
		L40	198,00	70		3,50
		L41	198,00	70		3,50
		L42	212,90	70		3,50
		TỔNG O-1	**8.827,60**			
O-2	33	L43	234,00	65	5	3,25
		L44	198,00	70		3,50
		L45	198,00	70		3,50
		L46	198,00	70		3,50
		L47	198,00	70		3,50
		L48	198,00	70		3,50
		L49	176,00	75		3,75
		L50	176,00	75		3,75
		L51	176,00	75		3,75
		L52	176,00	75		3,75
		L53	176,00	75		3,75
		L54	198,00	70		3,50
		L55	198,00	70		3,50
		L56	198,00	70		3,50
		L57	198,00	70		3,50
		L58	212,30	70		3,50
		L59	232,50	65		3,25
		L60	176,00	75		3,75
		L61	176,00	75		3,75
		L62	198,00	70		3,50
		L63	198,00	70		3,50
		L64	198,00	70		3,50
		L65	176,00	75		3,75
		L66	176,00	75		3,75
		L67	176,00	75		3,75
		L68	176,00	75		3,75
		L69	176,00	75		3,75
		L70	198,00	70		3,50
		L71	176,00	75		3,75
		L72	176,00	75		3,75
		L73	176,00	75		3,75
		L74	176,00	75		3,75
		L75	233,90	65		3,25
		TỔNG O-2	**6.302,70**			
O-3	31	L76	214,20	70	5	3,50
		L77	176,00	75		3,75
		L78	176,00	75		3,75
		L79	198,00	70		3,50
		L80	198,00	70		3,50
		L81	198,00	70		3,50
		L82	198,00	70		3,50
		L83	176,00	75		3,75
		L84	176,00	75		3,75
		L85	176,00	75		3,75
		L86	176,00	75		3,75
		L87	198,00	70		3,50
		L88	198,00	70		3,50
		L89	198,00	70		3,50
		L90	198,00	70		3,50
		L91	198,00	70		3,50
		L92	203,80	70		3,50
		L93	271,70	65		3,25
		L94	242,00	65		3,25
		L95	242,00	65		3,25
		L96	242,00	65		3,25
		L97	242,00	65		3,25
		L98	220,00	65		3,25
		L99	220,00	65		3,25
		L100	220,00	65		3,25
		L101	220,00	65		3,25
		L102	220,00	65		3,25
		L103	231,00	65		3,25
		L104	231,00	65		3,25
		L105	231,00	65		3,25
		L106	252,00	65		3,25
		TỔNG O-3	**6.540,70**			

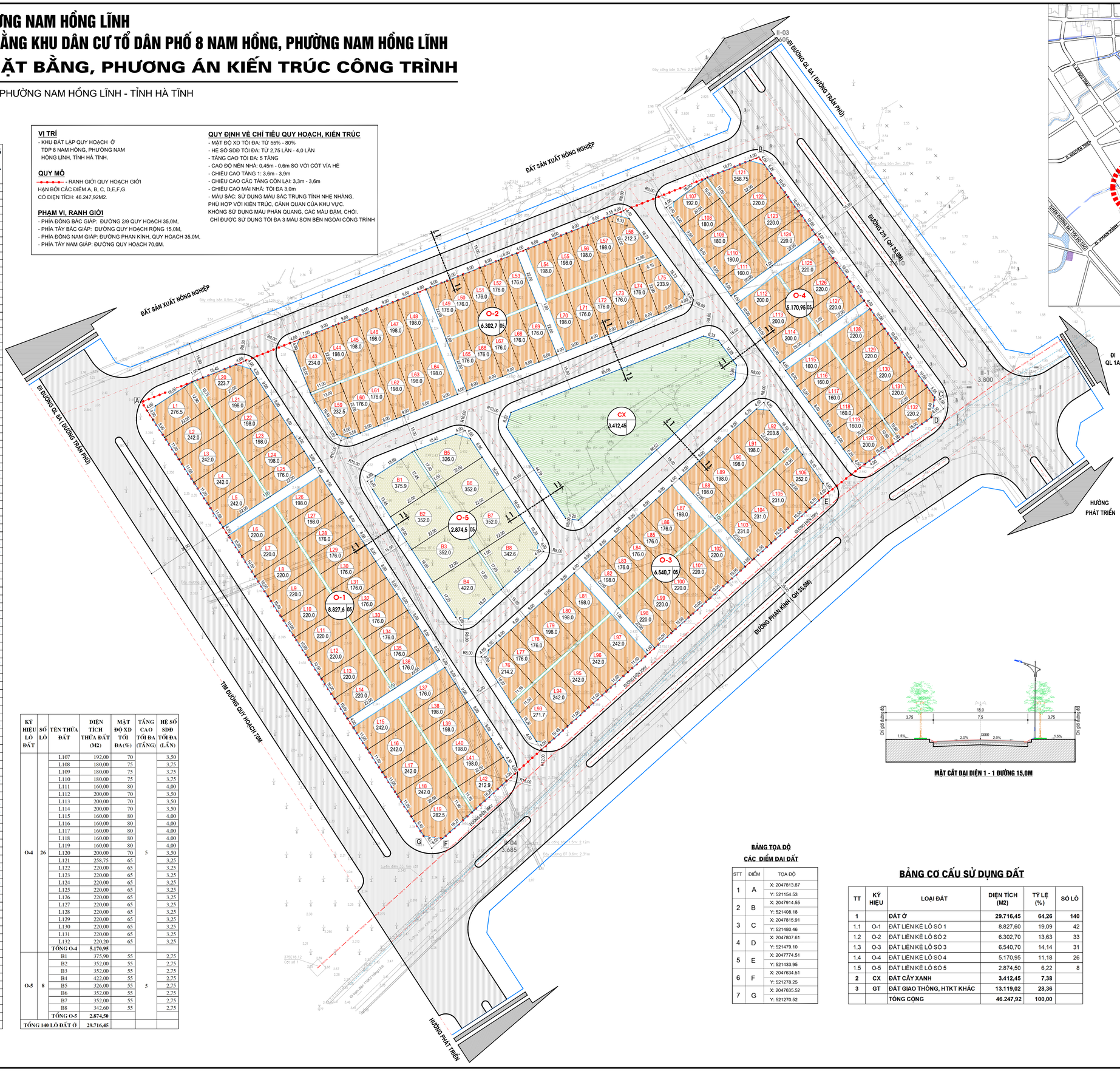
KÝ HIỆU LÔ ĐẤT	SỐ LÔ	TÊN THỬA ĐẤT	DIỆN TÍCH THỬA ĐẤT (M2)	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA(%)	TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)	HỆ SỐ SDĐ TỐI ĐA (LẦN)
O-4	26	L107	192,00	70	5	3,50
		L108	180,00	75		3,75
		L109	180,00	75		3,75
		L110	180,00	75		3,75
		L111	160,00	80		4,00
		L112	200,00	70		3,50
		L113	200,00	70		3,50
		L114	200,00	70		3,50
		L115	160,00	80		4,00
		L116	160,00	80		4,00
		L117	160,00	80		4,00
		L118	160,00	80		4,00
		L119	160,00	80		4,00
		L120	200,00	70		3,50
		L121	258,75	65		3,25
		L122	220,00	65		3,25
		L123	220,00	65		3,25
		L124	220,00	65		3,25
		L125	220,00	65		3,25
		L126	220,00	65		3,25
		L127	220,00	65		3,25
		L128	220,00	65		3,25
		L129	220,00	65		3,25
		L130	220,00	65		3,25
		L131	220,00	65		3,25
		L132	220,20	65		3,25
		TỔNG O-4	**5.170,95**			
O-5	8	B1	375,90	55	5	2,75
		B2	352,00	55		2,75
		B3	352,00	55		2,75
		B4	422,00	55		2,75
		B5	326,00	55		2,75
		B6	352,00	55		2,75
		B7	352,00	55		2,75
		B8	342,60	55		2,75
		TỔNG O-5	**2.874,50**			
TỔNG 140 LÔ ĐẤT Ở			**29.716,45**			

VỊ TRÍ
- KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH Ở TDP 8 NAM HỒNG, PHƯỜNG NAM HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH.

QUY MÔ
- RANH GIỚI QUY HOẠCH GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐIỂM A, B, C, D,E,F,G.
CÓ DIỆN TÍCH: 46.247,92M2.

PHẠM VI, RANH GIỚI
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP: ĐƯỜNG 2/9 QUY HOẠCH 35,0M,
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP: ĐƯỜNG QUY HOẠCH RỘNG 15,0M,
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP: ĐƯỜNG PHAN KÍNH, QUY HOẠCH 35,0M,
- PHÍA TÂY NAM GIÁP: ĐƯỜNG QUY HOẠCH 70,0M.

QUY ĐỊNH VỀ CHỈ TIÊU QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC
- MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA: TỪ 55% - 80%
- HỆ SỐ SDĐ TỐI ĐA: TỪ 2,75 LẦN - 4,0 LẦN
- TẦNG CAO TỐI ĐA: 5 TẦNG
- CAO ĐỘ NỀN NHÀ: 0,45m - 0,6m SO VỚI CỐT VỈA HÈ
- CHIỀU CAO TẦNG 1: 3,6m - 3,9m
- CHIỀU CAO CÁC TẦNG CÒN LẠI: 3,3m - 3,6m
- CHIỀU CAO MÁI NHÀ: TỐI ĐA 3,0m
- MÀU SẮC: SỬ DỤNG MÀU SẮC TRUNG TÍNH NHẸ NHÀNG, PHÙ HỢP VỚI KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN CỦA KHU VỰC. KHÔNG SỬ DỤNG MÀU PHẢN QUANG, CÁC MÀU ĐẬM, CHÓI. CHỈ ĐƯỢC SỬ DỤNG TỐI ĐA 3 MÀU SƠN BÊN NGOÀI CÔNG TRÌNH


ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
ĐI ĐƯỜNG QL 8A (ĐƯỜNG TRẦN PHÚ)
ĐI ĐƯỜNG QL 8A (ĐƯỜNG TRẦN PHÚ)
ĐƯỜNG 2/9 (QH 35,0M)
ĐI QL 1A
TIM ĐƯỜNG QUY HOẠCH 70M
ĐƯỜNG PHAN KÍNH (QH 35,0M)
HƯỚNG PHÁT TRIỂN
HƯỚNG PHÁT TRIỂN
O-1 8.827,6 05
O-2 6.302,7 05
O-3 6.540,7 05
O-4 5.170,95 05
O-5 2.874,5 05
CX 3.412,45
GT 13.119,02
II-03 505
II-1 3.800
II-04 3.685
ĐƯỜNG DIỆN 35,0m
ĐƯỜNG DIỆN 35,0m
ĐƯỜNG DIỆN 35,0m
ĐƯỜNG DIỆN 35,0m
Cột điện 35,0m +2,12m
Cột thông tin BT 0,6m -2,31m
Cột điện 35,0m +0,05
Cột điện 35,0m +0,05
Cột điện 35,0m +0,05